TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HƯNG YÊN** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02/2024/QĐST - KDTM	*Hưng Yên, ngày 23 tháng 4 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 12 tháng 4 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ Kinh doanh thương mại thụ lý số: 02/2024/TLST – KDTM, ngày 12 tháng 3 năm 2024 về việc "*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*".

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện. Nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Ngân hàng TMCP S (S1); Địa chỉ: Số G T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Ngô Thu H – Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP S.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thanh T – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP S, chi nhánh H3 (theo văn bản ủy quyền số 406.1/2023/VBUQ - SHB ngày 19/7/2023 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP S).

Người được ủy quyền tham gia tố tụng:

+ Ông Nguyễn Bá L – Chuyên viên bán nợ và xử lý tài sản Ngân hàng TMCP S, chi nhánh H3.

+ Ông Lê Tuấn A, chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách – Phòng S, chi nhánh H3.

+ Bà Nguyễn Thị H1, chức vụ: Chuyên viên khách hàng doanh nghiệp Phòng S, Ngân hàng TMCP S, chi nhánh H3.

- **Bị đơn**: Công ty TNHH Trung Nghĩa

Địa chỉ trụ sở: Thôn Đ, xã T, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Đại diện theo pháp luật: Bà Đường Thị Lan H2 – Chức vụ Giám đốc.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH X. Địa chỉ trụ sở: Thôn N, xã A, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Đình V – Chức vụ Giám đốc.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về nghĩa vụ trả nợ:* Công ty TNHH T2 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP S (S1) tính đến ngày 11/4/2024 là: **2.659.008.765** đồng *(Bằng chữ: Hai tỷ, sáu trăm năm mươi chín triệu không trăm linh tám nghìn bảy trăm sáu mươi lăm đồng),* trong đó:

+ Nợ gốc quá hạn	1.699.000.000 đồng
+ Tiền lãi vay trong hạn	29.813.683 đồng
+ Nợ lãi quá hạn	925.608.215 đồng (trong đó lãi vay quá hạn cầu phần = 100% lãi suất vay trong hạn là 650.405.601 đồng và lãi quá hạn cấu phần = 50% lãi suất vay trong hạn là 275.202.614 đồng).
+ Lãi phạt chậm trả	4.586.867 đồng.
Tổng	2.659.008.765 đồng

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 11/4/2024, Công ty TNHH T2 còn phải tiếp tục thanh toán phần lãi suất quá hạn của số nợ gốc chưa trả theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 19/2021/HDHM -PN/SHB.110501 ngày 10/03/2021 và Khế ước nhận nợ đã ký kết với Ngân hàng S1 cho đến ngày thanh toán xong khoản nợ cho S1.

2.2. *Về thời hạn và phương thức trả nợ*: Các bên đương sự thống nhất thỏa thuận về thời gian Công ty T2 phải trả toàn bộ số nợ gốc quá hạn được chia thành hai kỳ cụ thể như sau:

+ Kỳ 1: Từ ngày 01/5/2024 đến 30/5/2024, thanh toán số tiền 849.500.000 đồng.

+ Kỳ 2: Từ ngày 01/6/2024 đến 30/6/2024, thanh toán số tiền 849.500.000 đồng.

2.3. *Đối với phần lãi trong hạn còn phải trả và lãi quá hạn cấu phần 100% lãi vay theo hợp đồng tín dụng:* Công ty T2 phải trả cho Ngân hàng S1 thời hạn trả tối đa đến hết ngày 15/8/2024.

Trong trường hợp Công ty TNHH T2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng S1 theo như cam kết thì buộc Công ty TNHH X thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty TNHH T2 theo nội dung hợp đồng thế chấp đã ký kết giữa Công ty TNHH X với Ngân hàng S1.

Quá trình trả nợ nếu Công ty TNHH T2 và Công ty TNHH X vi phạm bất kỳ thời hạn trả nợ nào theo thỏa thuận, Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản đảm bảo để thu hồi toàn bộ khoản nợ

theo quy định của pháp luật và các khoản lãi phát sinh theo cam kết trong hợp đồng tín dụng và các thỏa thuận khác trong hợp đồng, cụ thể:

Tài sản số 01: Bất động sản tại xã T, thành phố H, tỉnh Hưng Yên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CH312579 số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CT06015 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H cấp ngày 3/5/2017 đứng tên Công ty TNHH T2. Tài sản được đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp số 41/2017/HĐTC - PN/SHB/110.501 ngày 06/06/2017 phụ lục hợp đồng thế chấp số 04/2021 - 41/2017/HĐTC – PN/SHB.110501 ngày 10/3/2021 và Hợp đồng thế chấp quyền thuê tài sản số 19/2021/HĐTC - PN/SHB.110501 ngày 10/03/2021.

(Kèm theo có phụ lục đặc điểm tài sản theo thực tế và bản ảnh tài sản kèm theo báo cáo kết quả thẩm định giá số 5308/2021/BC – TĐG ngày 31/12/2021 của Ngân hàng S1 chi nhánh H3 đã thẩm định).

Tài sản số 02: 01 xe ô tô con 5 chỗ nhãn hiệu TOYOTA CAMRY BKS số 89A - 078.65, năm sản xuất 2019 được Phòng C Công an tỉnh H cấp ngày 16/06/2016 cho Công ty TNHH X. Tài sản được đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 84/2017/HĐTC - BTB/SHB.11501 ngày 26/12/2017 và phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản số 04/2021 - 84/2017/HĐTC - BTB/SHB.110501 ngày 10/03/2021.

(Kèm theo báo cáo kết quả thẩm định giá số 5012/2020/BC – TĐG ngày 31/12/2020 của Ngân hàng S1 chi nhánh H3 đã thẩm định đối với 01 xe ô tô con 5 chỗ nhãn hiệu TOYOTA CAMRY BKS số 89A - 078.65, năm sản xuất 2019).

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp trên sẽ được thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc, lãi và phí phạt chậm trả trong Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 19/2021/HDHM - PN/SHB.110501 ngày 10/03/2021 và các Khế ước nhận nợ đã ký kết với Ngân hàng S1. Sau khi xử lý xong tài sản và thanh toán toàn bộ nghĩa vụ nợ cho S1, nếu số tiền thu được còn thừa Ngân hàng S1 sẽ trả lại cho bên đảm bảo, nếu số tiền thu được không đủ để trả nợ thì SHB có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền cho kê biên, phát mại các tài sản khác thuộc sở hữu/sử dụng hợp pháp của Công ty TNHH T2 để thu hồi nợ cho trả cho Ngân hàng S1.

2.3. *Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm*:

Công ty TNHH T2 phải chịu số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là **42.590.088** (bằng chữ: Bốn mươi hai triệu, năm trăm chín mươi nghìn, không trăm tam mươi tám đồng). Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP S (S1) số tiền **42.350.000** đồng (bằng chữ: Bốn mươi hai triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000359 ngày 12/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thành phố Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đăng Khuê